TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/KDTM-ST
Ngày: 03 - 7 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Minh Thơ

2. Ông Huỳnh Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2025/TLST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2026/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2026/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng công ty Đ; Địa chỉ: 35 đường T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Quang B - Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty Đ (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2023)

Người nhận ủy quyền lại của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D - Phó đội trưởng Đ - Chi nhánh Tổng công ty Đ; Địa chỉ: 68 đường Đ, xã H, TP.Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 26/4/2023) (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH T1; Địa chỉ: Số B ấp D, xã H (trước đây là ấp C, xã T, huyện H), TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Đặng Hữu A, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số B Ấp D, xã H (trước đây là ấp C, xã T, huyện H), TP. Hồ Chí Minh; là Giám đốc Công ty (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2025 nguyên đơn Tổng công ty Đ và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ngày 13/4/2021, Tổng công ty Đ (Gọi tắt là Công ty Đ) và Công ty TNHH T1 (Gọi tắt là Công ty T1) đã ký Hợp đồng mua bán điện cho mục đích kinh doanh số 21/001307 (Mã khách hàng: PE08000057492). Thực hiện hợp đồng, Công ty T1 còn nợ Công ty Đ kỳ hóa đơn tháng 10 năm 2024 với số tiền 3.623.485đ, kỳ hóa đơn tháng 11 năm 2024 với số tiền 4.016.455đ, tổng cộng: 7.639.940đ. Mặc dù, Công ty Đ nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty T1 vẫn không thanh toán số tiền còn nợ trên.

Vì vậy, Công ty Đ đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T1 phải thanh toán cho nguyên đơn tiền điện chưa trả của 02 kỳ hóa đơn trên, thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty T1 vắng mặt, không có văn bản phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Công văn số 451/ĐKKD-THK1 ngày 16/01/2026, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở T2 cung cấp thông tin: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, Mã số doanh nghiệp: 0313285931, Công ty TNHH T1 lần đầu vào ngày 03/6/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 17/4/2023; trụ sở chính tại B ấp D, xã H, TP.Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Đặng Hữu A; Địa chỉ: B ấp D, xã H, TP.Hồ Chí Minh; là Giám đốc công ty. Doanh nghiệp chưa đăng ký giải thể.

Tại Công văn số 313/TCS12-KTR1 ngày 25/7/2025, T Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin: Công ty T1, Mã số thuế: 0313285931, tình trạng hoạt động: Người nộp thuế hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký: Số B ấp D, xã H, TP.Hồ Chí Minh.

Ngày 09/9/2025, Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có yêu cầu không tiến hành hòa giải và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cùng ngày, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả tiền điện của 02 kỳ hóa đơn chưa thanh toán tháng 10, 11 năm 2024.

Tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Nguyễn Văn D là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/4/2026 trình bày: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán tiền điện của 02 kỳ hóa đơn chưa thanh toán như trình bày tại đơn kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" đối với bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại xã H, TP.Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự đã được xem xét tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định:

Nguyên đơn Công ty Đ và bị đơn Công ty T1 đã ký Hợp đồng mua bán điện cho mục đích kinh doanh số 21/001307 ngày 13/4/2021 và phụ lục (Mã khách hàng: PE08000057492). Nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật, hợp đồng do người đại diện pháp luật các bên ký kết nên có giá trị thi hành.

Tại Điều 1 của Hợp đồng, các bên đã thỏa thuận hình thức thanh toán qua các điểm thu tiền điện của ngân hàng, bưu cục, các điểm giao dịch có dịch vụ thu tiền điện gần nhất; thời hạn thanh toán: 07 ngày kể từ ngày Công ty Đ thông báo thanh toán lần đầu; hình thức thông báo, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện hợp đồng: Tin nhắn qua số điện thoại đăng ký nhận tin nhắn của Công ty T1, email và hình thức khác…

Công ty Đ, ngày 02/11/2024 đã có thông báo tiền điện cho Công ty T1 hóa đơn tháng 10 năm 2024 (31 ngày từ 01/10/2024 đến 31/10/2024), số tiền phải thanh toán: 3.623.485đ, hạn thanh toán đến ngày 06/11/2024; ngày 02/12/2024, thông báo kỳ hóa đơn tháng 11 năm 2024 (30 ngày từ 01/11/2024 đến 30/11/2024), số tiền phải thanh toán: 4.016.455đ, hạn thanh toán đến ngày 06/12/2024; tổng cộng: 7.639.940đ.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2.1] Lỗi vi phạm hợp đồng:

Như nhận định tại Mục [2.1], Hợp đồng mua bán điện cho mục đích kinh doanh số 21/001307 ngày 13/4/2021 có hiệu lực pháp luật. Trong đó, bên bán là Công ty Đ, bên mua là Công ty T1 Ngày 02/11/2024 và ngày 02/12/2024, bên bán đã thông báo bên mua thanh toán tiền điện sử dụng trong kỳ hóa đơn tháng 10 và tháng 11 năm 2024, thời hạn thanh toán là 07 ngày kể từ ngày bên bán

thông báo lần đầu, nhưng đến ngày khởi kiện 01/4/2025 bên mua vẫn không thanh toán đã vi phạm thời hạn thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 1.4 của Hợp đồng.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền sử dụng điện trong kỳ hóa đơn tháng 10 và tháng 11 năm 2024 là có cơ sở chấp nhận.

Bên mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán, bên bán không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2.2] Xét yêu cầu bị đơn trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét việc chậm thanh toán tiền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ các điều 24, 50. 55 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 6, Điều 7 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng công ty Đ.

2. Buộc Công ty TNHH T1 phải thanh toán cho Tổng công ty Đ số tiền như sau:

- Kỳ hóa đơn tháng 10 năm 2024 (31 ngày từ 01/10/2024 đến 31/10/2024), số tiền phải thanh toán: 3.623.485 đồng *(Ba triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm tám mươi lăm đồng);*

- Kỳ hóa đơn tháng 11 năm 2024 (30 ngày từ 01/11/2024 đến 30/11/2024), số tiền phải thanh toán: 4.016.455 đồng *(Bốn triệu không trăm mười sáu ngàn bốn trăm năm mươi lăm đồng);*

Tổng cộng: 7.639.940 đồng *(Bảy triệu sáu trăm ba mươi chin ngàn chin trăm bốn mươi đồng).*

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH T1 chịu 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*.

Hoàn lại cho Tổng công ty Đ số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* theo Biên lai thu số 0000037 ngày 29/5/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 8 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM (KV8);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Phước Lý